

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2020 /HNGĐ-ST
Ngày 30/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Hải và bà Cấn Thị Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Ngọc Hà, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn Thuận B, xã Thuận H, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn Thuận B, xã Thuận H, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Hồng Q trình bày:*

Ông Q và bà Trần Thị T chung sống với nhau từ năm 1993. Khi chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian hai vợ chồng ông, bà chung sống hạnh phúc, êm ấm đến năm 2010 trở lại đây thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, lạnh nhạt, cãi vã nhau thường xuyên. Thôn xóm và UBND xã Thuận H đã hòa giải cho hai vợ chồng nhiều lần nhưng không thành. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nên ông Q làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho không công nhận vợ chồng giữa ông Q và bà Trần Thị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Q và bà T có 03 con chung: Cháu Lê Hồng Q1, sinh năm 1998, cháu Lê Thị H, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Riêng cháu Lê Hồng Q2, sinh ngày 17/10/2003 thì theo nguyện vọng của con chung ông Q đồng ý giao con chung là cháu Q2 cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản và nợ chung: Ông Q và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Q xin chịu theo quy định.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Trần Thị T trình bày:*

Bà T và ông Lê Hồng Q chung sống với nhau từ năm 1993 trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống ông Q và bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên bà T đồng ý theo nội dung đơn của ông Q về yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Q và bà T có 03 con chung: Cháu Lê Hồng Q1, sinh năm 1998, cháu Lê Thị H, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Riêng cháu Lê Hồng Q2, sinh ngày 17/10/2003. Bà T có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Q2 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng và giao con chung theo nguyện vọng của con.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Người tham gia tố tụng:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2001 của TANDTC-VKSNDTC-Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc Hội về việc thi

hành Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Q. Tuyên bố không công nhận ông Lê Hồng Q và bà Trần Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là Lê Hồng Q2, sinh ngày 17/10/2003 cho bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn bà Trần Thị T, sinh năm 1970 có nơi cư trú tại Thôn Thuận B, xã Thuận H, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn ông Lê Hồng Q yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Trần Thị T. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Lê Hồng Q và bà Trần Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa hai ông, bà có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, chửi bới nhau thường xuyên. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã Thuận H, huyện Đắc S thì xác định ông Q và bà T nhiều lần xô xát, đánh chửi nhau và đã được hòa giải nhưng không thành (Bút lục 16). Các đương sự đều thừa nhận hai ông, bà có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, đã được chính quyền địa phương hòa giải mâu thuẫn nhưng không thành. Do đó, việc sống chung của ông Q, bà T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình: “*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Theo khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”. Theo điểm c khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội quy định về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì “*Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại*

điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của ông Q và quan điểm của đại diện VKSND huyện Đắk Song đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và những căn cứ trên để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Q mới bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

[4] *Về con chung*: Ông Lê Hồng Q và Trần Thị T thừa nhận trong thời gian chung sống có 03 con chung Lê Hồng Q1, sinh năm 1998, Lê Thị H, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Riêng cháu Lê Hồng Q2, sinh ngày 17/10/2003. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều trình bày là tôn trọng sự lựa chọn của cháu Q2. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông Q và bà T cũng đồng ý giao cháu Q2 cho bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trông nom đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy bà T có nơi ở ổn định, có thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Q2. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Q2 cho bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q2 là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông Lê Hồng Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 11, điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội quy định về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Hồng Q và bà Trần Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con Lê Hồng Q2, sinh ngày 17/10/2003 cho bà Trần Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Trần Thị T không yêu cầu ông Lê Hồng Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn ông Q và bà T có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Hồng Q và bà Trần Thị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc ông Lê Hồng Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền ông Q đã nộp theo biên lai số 0001876 ngày 09/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm

